

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/DS-ST

Ngày: 31-03-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Ông Đặng Anh Doan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 746/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-DS ngày 13/03/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần H (sau đây được viết tắt là Ngân hàng H); địa chỉ: số E N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng H: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1985; địa chỉ: Tầng A, R - A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo uỷ quyền (theo giấy uỷ quyền ngày 09/9/2024); có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2.2. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Quang N, sinh ngày 17/11/2005; địa chỉ: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.2. Cháu Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 23/6/2009; địa chỉ: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị Thanh N1: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, là cha, mẹ ruột của cháu N1; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cho rằng:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Quang T với Ngân hàng thương mại cổ phần H - Chi nhánh C - Phòng G (sau đây được viết tắt Chi nhánh Ngân hàng) đã ký hợp đồng tín dụng số 176352.07440/2023/HĐTD và văn bản đồng thuận vay vốn cùng ngày 27/7/2023 và giấy nhận nợ và văn bản đồng thuận vay vốn cùng ngày 25/01/2024. Theo đó, Chi nhánh Ngân hàng cho bà D và ông T vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, lãi suất cố định 10%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Đồng thời, bà D với Chi nhánh Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số 471/2652670/2023/HĐCV ngày 21/6/2023 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 21/6/2023 đến ngày 08/6/2024. Lãi suất thấu chi là lãi suất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc thực tế phát sinh hàng ngày. Trong đó mức lãi suất thấu chi trong hạn áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức thấu chi là 22%/năm (cơ sở tính 1 năm là 365 ngày). Chi nhánh Ngân hàng có quyền điều chỉnh lãi suất thấu chi trong hạn quy định nêu trên theo nguyên tắc: Lãi suất trong hạn được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần vào ngày cuối cùng của kỳ điều chỉnh lãi suất và được tính bằng công thức “Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3%/năm”.

Ngoài ra, bà D còn làm giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 10/7/2021 với hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Quang T đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

00027/2022/HĐTC/RB/2652670 ngày 05/8/2022 giữa Chi nhánh Ngân hàng với bà D, ông T, được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 05/08/2022, với tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 502,8m², thửa đất số 81, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0614cC do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 10/3/2008, đứng tên bà Nguyễn Thị Mỹ D.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở 898883045100307, hồ sơ gốc 00307 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 02/05/2008 do bà D và ông T đứng tên.

Chi nhánh Ngân hàng đã giải ngân cho bà D, ông T số nợ vay 1.600.000.000 đồng. Sau khi vay, bà D, ông T đã trả nợ gốc cho Ngân hàng 18.243.825 đồng. Tính đến ngày 31/3/2025, bà D, ông T nợ 1.814.250.154 đồng, (trong đó nợ gốc 1.581.756.175 đồng, nợ lãi 232.493.979).

Vì vậy Ngân hàng H yêu cầu bà D, T thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H khoản nợ với số tiền tính đến ngày 31/3/2025 là 1.814.250.154 đồng; (trong đó nợ gốc 1.581.756.175 đồng, nợ lãi 232.493.979); buộc bà D, ông T phải thanh toán lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận theo các hợp đồng tín dụng số 176352.07440/2023/HĐTD ngày 27/7/2023 và hợp đồng số 471/2652670/2023/HĐCV ngày 21/6/2023; và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 10/7/2021 kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Đồng thời, yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 00027/2022/HĐTC/RB/2652670 ngày 05/8/2022, giữa Chi nhánh Ngân hàng với bà D, ông T để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Mỹ D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang N, bà Nguyễn Thị Thanh N1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Toà án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng H vẫn giữ quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Bị đơn ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Mỹ D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang N, bà Nguyễn Thị Thanh N1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân có ý kiến với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo đúng qui định pháp luật. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý và tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa như đã quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H số tiền tính đến ngày 31/3/2025 là 1.814.250.154 đồng; (trong đó nợ gốc 1.581.756.175 đồng, nợ lãi 232.493.979 đồng) và phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/04/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận với Ngân hàng H; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng H với ông T, bà D để đảm bảo thi hành án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngân hàng H tranh chấp với bị đơn về hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại khu vực huyện P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng tín dụng được xác lập năm 2023, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 157 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên được mở, bị đơn bà D, ông T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông N và bà N1 cùng người đại diện hợp pháp của cháu N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà có tên nêu trên theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 176352.07440/2023/HĐTD ngày 27/7/2023; hợp đồng tín dụng số 471/2652670/2023/HĐCV ngày 21/6/2023; và giấy đề nghị

kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 10/7/2021 giữa Chi nhánh Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Quang T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng tín dụng như nêu trên thì bà D, ông T được Chi nhánh Ngân hàng giải ngân số tiền 1.600.000.000 đồng thông qua giấy nhận nợ ngày 25/01/2024. Sau khi vay, bà D, ông T trả nợ gốc 18.243.825 đồng, hiện còn nợ gốc 1.581.756.175, nợ tiền lãi 232.493.979 đồng, tổng vốn và lãi là 1.814.250.154 đồng. Cho nên, tạm tính đến hết ngày 31/3/2025, bà D, ông T còn nợ gốc Ngân hàng H là 1.581.756.175, nợ tiền lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 232.493.979 đồng.

[2.2] Về biện pháp bảo đảm:

Để bảo đảm khoản vay, bà D, ông T đã thế chấp cho Chi nhánh Ngân hàng quyền sử dụng đất diện tích 502,8m², thửa đất số 81, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0614cC do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 10/3/2008 và quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc 00307 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 02/05/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Quang T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 00027/2022/HĐTC/RB/2652670 ngày 05/8/2022, được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 05/08/2022 và được đăng ký tại Văn phòng Đ chi nhánh P vào ngày 05/8/2022.

Xét, về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

[2.3] Xét, về yêu cầu của nguyên đơn:

Do bà D, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu bà D, ông T trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết để đảm bảo thi hành án là phù hợp với nội dung hợp đồng thế chấp đã ký kết, quy định tại các Điều 293, 299, 320, 323 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H; buộc bà D, ông T trả cho Ngân hàng H nợ gốc 1.581.756.175, nợ lãi tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 232.493.979

đồng, và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng số 176352.07440/2023/HĐTD ngày 27/7/2023; hợp đồng tín dụng số 471/2652670/2023/HĐCV ngày 21/6/2023; và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 10/7/2021 kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ; duy trì việc thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 00027/2022/HĐTC/RB/2652670, ngày 05/8/2022 giữa Chi nhánh Ngân Hàng với bà D, ông T để đảm bảo việc thi hành án.

[2.4] Đối với, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông N, cháu N1 đang sống trong nhà trên diện tích đất 502,8m², thửa đất số 81, tờ bản đồ số 07. Do ông N, cháu N1 và bà D, ông T là người đại diện hợp pháp của cháu N1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không giải quyết việc ông N, cháu N1 sinh sống trên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở thế chấp.

[3] Về chi phí tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Ngân hàng H đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H được chấp nhận nên buộc bà D, ông T hoàn trả cho Ngân hàng H 3.000.000 đồng tạm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Quang T phải chịu 66.428.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; 158, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 293, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 7; Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối Cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần H đối với bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Quang T.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Quang T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần H nợ gốc và nợ lãi khoản vay như sau:

Nợ lãi tính đến hết ngày 31/3/2025: .232.493.979 (*hai trăm ba mươi hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng*) đồng.

Nợ gốc: 1,581,756,175 (*Một tỷ năm trăm tám mươi một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*) đồng và tiền lãi phát sinh đối với số dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 176352.07440/2023/HĐTD ngày 27/7/2023; hợp đồng tín dụng số 471/2652670/2023/HĐCV ngày 21/6/2023; và giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 10/7/2021, kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 00027/2022/HĐTC/RB/2652670 ngày 05/8/2022 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần H - Chi nhánh C - Phòng G với bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Quang T, được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 05/08/2022 và được đăng ký tại Văn phòng Đ chi nhánh P vào ngày 05/8/2022 để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Quang T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần H thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Quang T hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần H tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

3. Về án phí:

3.1 Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 66.428.000 đồng.

3.2 Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.645.000 đồng theo biên lai thu số 0006867 ngày 25/04/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu